

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY

Tầng 3, toà nhà Hoàng Gia, 180 Triệu Việt Vương, Hai Bà Trưng, Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY

Quý II năm 2015

Hà nội, tháng 08 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		347.753.925.656	425.635.018.268
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	9.850.158.166	14.117.450.830
111	1. Tiền		4.850.158.166	13.217.450.830
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	900.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	14.000.000.000	23.974.598.364
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		14.000.000.000	23.974.598.364
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		309.789.866.240	374.919.349.722
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	1.871.852.665	69.629.631.807
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	11.648.057.397	10.301.479.123
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	220.435.920.548	228.766.920.548
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	75.834.035.630	66.221.318.244
140	IV. Hàng tồn kho	9	10.499.672.578	9.650.059.671
141	1. Hàng tồn kho		10.499.672.578	9.650.059.671
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.614.228.672	2.973.559.681
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	892.548.556	1.048.065.302
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.568.609.915	1.005.780.532
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		30.004.295	767.901.909
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		123.065.906	151.811.938
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.029.927.814.469	1.006.896.582.379
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.500.000.000	-
211	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	8.500.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		366.989.398.172	347.712.394.805
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	106.382.908.323	83.048.282.288
222	Nguyên giá		186.670.911.779	158.350.371.467
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(80.288.003.456)	(75.302.089.179)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	260.606.489.849	264.664.112.517
228	Nguyên giá		305.427.091.263	305.427.091.263
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(44.820.601.414)	(40.762.978.746)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	13	432.580.045.695	426.356.590.845
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	13.1	32.215.745.746	32.215.745.746
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.2	400.364.299.949	394.140.845.099
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14	117.490.711.728	119.471.878.992
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14.1	97.113.651.484	99.376.340.284
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.2	23.883.889.320	20.360.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	14.3	(3.506.829.076)	(264.461.292)
260	V. Tài sản dài hạn khác		104.367.658.874	113.355.717.737
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	5.122.898.835	2.879.890.524
268	2. Tài sản dài hạn khác		37.000.000	37.000.000
269	3. Lợi thế thương mại	15	99.207.760.039	110.438.827.213
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.377.681.740.125	1.432.531.600.647



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		461.349.623.595	432.872.121.505
310	I. Nợ ngắn hạn		151.698.108.080	125.988.870.395
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	5.583.634.127	5.826.443.342
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	29.773.019.399	8.506.690.723
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.587.882.238	767.763.098
314	4. Phải trả người lao động		2.285.926.878	1.495.118.600
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	47.083.354.686	43.422.260.800
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	4.277.309.378	4.883.115.304
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	59.065.860.889	59.207.514.672
322	8. Quý khen thưởng, phúc lợi	21	2.041.120.485	1.879.963.856
330	II. Nợ dài hạn		309.651.515.515	306.883.251.110
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	253.451.076.302	250.481.486.203
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	56.200.439.213	56.401.764.907
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		916.332.116.530	999.659.479.142
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	916.332.116.530	999.659.479.142
411	1. Vốn cổ phần đã góp		905.000.000.000	905.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.455.000.000	24.455.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		269.596.844	269.596.844
420	4. Lỗi lũy kế		(156.125.791.699)	(84.329.311.816)
420a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế		(84.329.311.816)	(89.941.073.192)
420b	- Lỗi kỳ/năm này		(71.796.479.883)	5.611.761.376
429	5. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát		142.733.311.385	154.264.194.114
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.377.681.740.125	1.432.531.600.647

01/01/15
 CÔNG
 CỤ
 BỘ
 LƯU
 177



Ngô Thị Thanh Hải
Người lập



Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	T M	Quý 2		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		42.682.116.612	49.099.743.939	109.638.843.204	122.126.820.515
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(93.931.283.268)	(1.170.131.887)	(93.949.920.313)	(1.232.427.014)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		(51.249.166.656)	47.929.612.052	15.688.922.891	120.894.393.501
4. Giá vốn hàng bán	11		5.568.955.992	(27.978.074.858)	20.767.113.998	(57.503.036.812)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		(45.680.210.664)	19.951.537.194	(5.078.191.107)	63.391.356.689
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		(2.302.536.404)	10.397.804.518	10.077.069.925	13.067.898.276
7. Chi phí tài chính	22		(14.950.461.772)	(91.644.557)	(22.446.133.972)	(153.956.738)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(15.787.168.296)	(76.086.233)	(18.698.008.729)	(127.659.476)
Phần lỗ từ công ty liên kết			(2.262.688.800)	(1.967.386.407)	(2.262.688.800)	(1.967.386.407)
8. Chi phí bán hàng	25		(4.916.204.977)	(6.243.269.961)	(13.339.774.669)	(15.674.836.311)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		(16.613.812.236)	(17.491.454.093)	(34.675.469.663)	(35.572.379.143)
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(86.725.914.853)	6.522.973.101	(67.725.188.286)	25.058.082.773
11. Thu nhập khác	31		111.227.019	64.687.881	112.396.108	126.407.282
12. Chi phí khác	32		(1.780.518)	586	(14.759.092)	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		109.446.501	64.688.467	97.637.016	126.407.282
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(86.616.468.352)	4.620.275.161	(67.627.551.270)	23.217.103.648
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(215.236.201)	(548.351.786)	(2.759.319.819)	(2.594.382.734)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		144.754.238	(3.761.117.006)	289.508.477	289.508.477
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		(86.686.950.315)	310.806.369	(70.097.362.612)	20.912.229.391

021
ĐN
ĐP
VGS
HV
ĐVN



Ngô Thị Thanh Hải
Người lập
Ngày 14 tháng 8 năm 2015



Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(86.616.468.352)	4.620.275.161	(67.627.551.270)	23.217.103.648
2. Điều chỉnh cho các khoản						
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		16.430.292.419	10.373.773.349	21.634.835.572	20.770.693.593
- Các khoản dự phòng	03		(2.373.165.803)		3.242.367.784	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.604.298		6.604.298	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.945.151.288)	(8.418.685.464)	(7.673.557.656)	(11.080.655.898)
- Chi phí lãi vay	06		5.445.596.130	76.086.233	18.698.008.729	127.659.476
- Các khoản điều chỉnh khác	07		362.037.037		362.037.037	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(73.690.255.559)	6.659.572.603	(31.357.255.506)	33.034.800.819
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		69.465.648.612	12.228.898.279	64.757.114.097	2.889.873.574
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(400.209.891)	(182.366.647)	(849.612.907)	1.194.685.079
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(54.537.585.617)	(2.569.613.984)	(9.977.904.395)	(12.234.833.306)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.143.233.188	(20.631.409)	(2.087.491.565)	(715.506.244)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13					
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15.597.553.450)	(13.138.346.881)	(15.597.553.450)	(13.138.346.881)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		3.093.722.360	(1.380.980.840)	(1.718.507.765)	(2.699.548.055)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.414.621.223	(1.709.201.442)	(658.442.246)	(2.136.971.865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(68.108.379.134)	(112.706.321)	2.510.346.263	6.194.117.121
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		56.545.193.926	(5.392.691.149)	(2.673.425.115)	(11.265.807.616)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22					
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		2.360.000.002	(2.643.180.548)	(60.000.000)	(6.337.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.865.598.364	14.297.963.099	9.865.598.364	28.651.703.099

151
G
H
:AN
AN
IG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.523.889.320)		(3.523.889.320)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26					
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		185.584.039	491.227.159	384.782.163	3.055.533.283
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		68.417.487.011	6.753.318.561	3.993.066.092	14.104.428.766
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		6.120.000.000			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32					
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.190.620.274	2.802.542.222	3.500.000.000	11.823.696.096
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		6.799.294.981	(7.654.294.549)	(1.040.705.019)	(14.106.610.782)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35					
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.230.000.000)	(3.309.821.978)	(13.230.000.000)	(13.599.821.978)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.360.084.745)	(8.161.574.305)	(10.770.705.019)	(15.882.736.664)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(11.050.976.868)	(1.520.962.065)	(4.267.292.664)	4.415.809.223
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.901.135.034	18.310.097.424	14.117.450.830	12.373.326.136
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		9.850.158.166	16.789.135.359	9.850.158.166	16.789.135.359



Ngô Thị Thanh Hải
Người lập





Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (“Công ty”), được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Phong, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103013874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 26 tháng 9 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
0103013874	Ngày 3 tháng 8 năm 2009
0103013874	Ngày 27 tháng 8 năm 2009
0103013874	Ngày 28 tháng 9 năm 2009
0103013874	Ngày 2 tháng 12 năm 2009
0102051941	Ngày 12 tháng 2 năm 2010
0102051941	Ngày 24 tháng 5 năm 2010
0102051941	Ngày 15 tháng 7 năm 2010
0102051941	Ngày 24 tháng 9 năm 2010
0102051941	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0102051941	Ngày 20 tháng 6 năm 2011
0102051941	Ngày 17 tháng 5 năm 2012
0102051941	Ngày 5 tháng 6 năm 2013

Vào ngày 28 tháng 4 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay với mã cổ phiếu NVT theo công văn số 85/QĐ-SGDHCM. Vào ngày 7 tháng 5 năm 2010, 50.500.000 cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số cổ phiếu được lưu hành của Công ty là 90.500.000 cổ phiếu.

Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là:

- ▶ Kinh doanh bất động sản;
- ▶ Dịch vụ quản lý, tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất), xúc tiến đầu tư thương mại;
- ▶ Khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- ▶ Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, san lấp mặt bằng;
- ▶ Sản xuất, nhập khẩu trang thiết bị xây dựng và trang trí nội, ngoại thất; và
- ▶ Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, tòa nhà Hoàng Gia, số 180 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 2 công ty con, trong đó:

▶ Công ty TNHH Hai Dung

Công ty con này được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên số 3600805594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 10 tháng 4 năm 2006, với số vốn điều lệ là 110 tỷ đồng Việt Nam. Công ty TNHH Hai Dung có trụ sở đặt tại ấp Bến Cộ, xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và văn phòng giao dịch đặt tại số 24 Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Hai Dung là kinh doanh bất động sản, đầu tư khu du lịch sinh thái và kinh doanh nhà nghỉ, nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty nắm 90% phần vốn chủ sở hữu và 90% quyền biểu quyết trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 90%)

▶ Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải

Công ty con này được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4200686538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 13 tháng 12 năm 2008, với số vốn điều lệ là 90 tỷ đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải có trụ sở đặt tại thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lưu hành.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty nắm 51% (tương đương 1.785.000 cổ phiếu) phần vốn chủ sở hữu và 51% quyền biểu quyết trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 51%)

5.1.1
H
T
A
H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (“VNĐ”).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 33.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (bao gồm nguyên giá của đất và cơ sở hạ tầng chưa chuyển nhượng)	-	chi phí đất và xây dựng phần hoàn thiện của các biệt thự được ghi nhận theo tiến độ thực tế bàn giao với nhà thầu thi công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	1 - 18 năm
Phương tiện vận tải	2 - 8 năm
Trang thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất và mặt biển	33 - 43 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 1 đến 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN
 BẤT ĐỘNG SẢN
 DU LỊCH NINH VÂN BAY
 TRƯỞNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Công ty không khấu hao lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cán trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

02
DN
P
IGS
IV
/NC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- ▶ Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

- ▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình trên đất

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình trên đất được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu công trình trên đất và quyền sử dụng đất đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm bàn giao đất và công trình trên đất.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần, kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn và cổ phần được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của cổ phần. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các giai đoạn trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho niên độ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng niên độ tài chính tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Tiền mặt	527.276.610	725.434.491
Tiền gửi ngân hàng	4.322.881.556	12.268.530.027
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	900.000.000
Tiền đang chuyển	-	223.486.312
TỔNG CỘNG	9.850.158.166	14.117.450.830

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam có kỳ hạn dưới 3 tháng, với mức lãi suất 4,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014 (trình bày lại)</i>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.000.000.000	23.974.598.364
TỔNG CỘNG	14.000.000.000	23.974.598.364

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam với tổng số tiền là 14.000.000.000 đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, kỳ hạn từ 5 tháng đến 1 năm và mức lãi suất 6,4%/năm. Đây là số dư tài khoản tiền gửi dự phòng thanh toán lãi và gốc Trái phiếu khi đến hạn.

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	97.113.651.484	99.376.340.284
Đầu tư vào đơn vị khác	23.883.889.320	20.360.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.506.829.076)	(264.461.292)
TỔNG CỘNG	117.490.711.728	119.471.878.992

(*) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Số dư đầu kỳ	264.461.292	264.461.292
Trích lập dự phòng trong kỳ	3.242.367.784	-
Số dư cuối kỳ	<u>3.506.829.076</u>	<u>264.461.292</u>
<i>Trong đó</i>		
Dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	3.506.829.076	264.461.292

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	30 tháng 6 năm 2015				31 tháng 12 năm 2014			
	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ góp vốn thực tế (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ góp vốn thực tế (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp		12.062.264.151	40,21	40,21		12.062.264.151	40,21	40,21
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt	1.023.978	10.239.784.314	29,15	29,15	1.023.978	10.239.784.314	29,15	29,15

Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp

Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp là một công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên số 4000491891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 5 tháng 5 năm 2008, với số vốn điều lệ là 30 tỷ đồng Việt Nam. Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp có trụ sở đặt tại Cồn Bắp, phường Cẩm Nam, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Hoạt động chính theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty này là kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty sở hữu 40,21% phần vốn sở hữu trong công ty liên kết này.

Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Danh Việt

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt là một công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0304993374 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2007, với số vốn điều lệ là 35.125.000.000 đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt có trụ sở đặt tại số 24 Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty này là kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty sở hữu 1.023.978 cổ phần (tương ứng 29,15% phần vốn sở hữu) trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

	<i>Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp</i>	<i>Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Danh Việt</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá đầu tư:			
31 tháng 12 năm 2014	63.930.000.000	41.061.535.100	104.991.535.100
Tăng giá trị đầu tư	-	-	-
30 tháng 6 năm 2015	<u>63.930.000.000</u>	<u>41.061.535.100</u>	<u>104.991.535.100</u>
Phản lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:			
31 tháng 12 năm 2014	(63.661.775)	(5.551.533.041)	(5.615.194.816)
Phản lỗ từ công ty liên kết:	(295.056.860)	(1.967.631.940)	(2.262.688.800)
30 tháng 6 năm 2015	<u>(358.718.635)</u>	<u>(7.519.164.981)</u>	<u>(7.877.883.616)</u>
Giá trị đầu tư:			
31 tháng 12 năm 2014	<u>63.866.338.225</u>	<u>35.510.002.059</u>	<u>99.376.340.284</u>
30 tháng 6 năm 2015	<u>63.571.281.365</u>	<u>33.542.370.119</u>	<u>97.113.651.484</u>

C
C
H
H
T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư dài hạn (tiếp theo)

5.2.2 Đầu tư vào đơn vị khác

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Đầu tư vào vốn góp và cổ phiếu	23.883.889.320	20.360.000.000
TỔNG CỘNG	23.883.889.320	20.360.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(3.506.829.076)	(264.461.292)

Chi tiết các khoản đầu tư vào vốn góp và cổ phiếu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
	<i>Giá trị (VNĐ)</i>	<i>Giá trị (VNĐ)</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú (i)	18.360.000.000	18.360.000.000
Công ty CP Hồng Hải (ii)	3.523.889.320	-
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỹ nghệ Ninh Vân Bay (iii)	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần EMG (iv)	1.000.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	23.883.889.320	20.360.000.000

(i) Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103025527 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 6 năm 2008, với số vốn điều lệ là 150 tỷ đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú có trụ sở đặt tại Ninh Bình. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú là kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng và dịch vụ ăn uống.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng vốn góp tại Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú mà Công ty sở hữu là 12,24% số vốn với giá trị là 18.360.000.000 đồng Việt Nam được trình bày là một khoản đầu tư dài hạn khác;

(ii) Công ty CP Hồng Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4200479404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, với số vốn điều lệ là 67.500.000.000 đồng Việt Nam. Công ty CP Hồng Hải có trụ sở đặt tại thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang. Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khu du lịch sinh thái, làng du lịch và dịch vụ ăn uống.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng vốn góp tại Công ty CP Hồng Hải mà Công ty sở hữu là 10,98% số vốn với giá trị là 3.523.889.320 đồng Việt Nam được trình bày là một khoản đầu tư dài hạn khác;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư dài hạn (tiếp theo)

5.2.2 Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)

(iii) Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0310273430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 8 năm 2010, với số vốn điều lệ là 10 tỷ đồng Việt Nam. Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay có trụ sở đặt tại lầu 1, Cao ốc Central Point, Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay là phát hành và quản lý thẻ nghỉ dài hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng vốn góp tại Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay mà Công ty sở hữu là 10% với trị giá 1.000.000.000 đồng Việt Nam được trình bày là một khoản đầu tư dài hạn khác; và

(iv) Công ty Cổ phần EMG là một công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0311199892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2011, với số vốn điều lệ là 7 tỷ đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần EMG có trụ sở đặt tại lầu 1, toà nhà Center Point, số 106 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty này là dịch vụ quản lý khách sạn và khu nghỉ dưỡng, kinh doanh khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng vốn góp tại công ty Cổ phần EMG mà Công ty sở hữu là 14,3% với trị giá 1.000.000.000 đồng Việt Nam được trình bày là một khoản đầu tư dài hạn khác.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.871.852.665	65.527.361.164
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	-	4.102.270.643
TỔNG CỘNG	<u>1.871.852.665</u>	<u>69.629.631.807</u>

6.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Trả trước ngắn hạn cho khách hàng		
Công ty Cổ phần quy hoạch và phát triển đô thị Việt Nam	2.877.575.900	1.577.575.900
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Tư vấn Bách Việt	1.629.855.010	1.629.855.010
Trả trước cho khách hàng khác	7.140.626.487	7.094.048.213
TỔNG CỘNG	<u>11.648.057.397</u>	<u>10.301.479.123</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Phải thu về cho vay ngắn hạn bên liên quan (<i>thuyết minh số 28</i>)	220.435.920.548	228.766.920.548
Phải thu về cho vay dài hạn		
Phải thu về cho vay dài hạn bên liên quan (<i>thuyết minh số 28</i>)	8.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>228.935.920.548</u>	<u>228.766.920.548</u>

7.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn bên liên quan

Phải thu về cho vay ngắn hạn bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm các khoản phải thu sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	202.463.920.548
Công ty TNHH Sinh thái Cồn Bắp	16.606.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	1.136.000.000
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phước Hưng	230.000.000
TỔNG CỘNG	<u>220.435.920.548</u>

7.2 Phải thu về cho vay dài hạn bên liên quan

Phải thu về cho vay dài hạn bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm khoản phải thu sau

<i>Bên liên quan</i>	<i>30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	8.500.000.000
TỔNG CỘNG	<u>8.500.000.000</u>

19
T
ÂN
DU
BA
TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Lãi vay phải thu (*)	68.756.497.401	59.205.033.107
Chi phí chi trả hộ bên liên quan	2.468.734.716	2.468.734.716
Phải thu chuyển nhượng cổ phần tại Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay (**)	4.350.000.000	4.350.000.000
Phải thu khác	258.803.513	197.550.421
TỔNG CỘNG	75.834.035.630	66.221.318.244
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	<i>4.608.803.514</i>	<i>4.547.550.421</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	<i>71.225.232.116</i>	<i>61.673.767.823</i>

(*) Lãi vay phải thu phát sinh từ các hợp đồng cho vay với Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú - đơn vị nhận vốn đầu tư, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt - công ty liên kết, Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp - công ty liên kết, Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phước Hưng - công ty cùng chung thành viên Hội đồng Quản trị vay tín chấp theo các điều khoản được trình bày trên Thuyết minh số 6.

(**) Đây là các khoản phải thu cá nhân từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay. Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty về việc giãn nợ và sử dụng tiền từ các hợp đồng chuyển nhượng vốn góp, Công ty cho phép việc thanh toán toàn bộ phần giá trị còn lại của hợp đồng chuyển nhượng vốn góp với giá trị là 4.350.000.000 đồng Việt Nam sẽ đến hạn vào ngày 6 tháng 7 năm 2015.

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	5.232.347.542	4.860.278.123
Công cụ, dụng cụ	5.267.325.036	4.789.781.548
TỔNG CỘNG	10.499.672.578	9.650.059.671

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	892.548.556	1.048.065.302
	892.548.556	1.048.065.302
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.471.606.581	1.977.153.328
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	2.651.292.254	902.737.196
TỔNG CỘNG	5.122.898.835	2.879.890.524

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay
B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015(tiếp theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
31 tháng 3 năm 2015	117.273.737.290	27.265.274.217	36.588.828.388	6.494.212.428	187.622.052.323
- Mua trong kỳ	-	-	293.300.000	-	293.300.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	115.790.909	-	-	115.790.909
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.360.231.453)	-	-	(1.360.231.453)
30 tháng 6 năm 2015	117.273.737.290	26.020.833.673	36.882.128.388	6.494.212.428	186.670.911.779
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	1.561.662.632	10.425.933.337	8.994.645.272	1.387.962.456	22.370.203.697
Giá trị hao mòn lũy kế:					
	44.680.328.552	16.923.190.240	14.538.528.580	2.335.773.633	78.477.821.005
31 tháng 3 năm 2015					
- Khấu hao trong kỳ	1.620.963.591	1.627.449.904	(270.982.736)	192.983.152	3.170.413.911
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.360.231.453)	-	-	(1.360.231.453)
30 tháng 6 năm 2015	46.301.292.143	17.190.408.691	14.267.545.844	2.528.756.785	80.288.003.463
Giá trị còn lại:					
31 tháng 3 năm 2015	<u>72.593.408.738</u>	<u>10.342.083.977</u>	<u>22.050.299.808</u>	<u>4.158.438.795</u>	<u>109.144.231.318</u>
30 tháng 6 năm 2015	70.972.445.147	8.830.424.982	22.614.582.544	3.965.455.643	106.382.908.316



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Quyền sử dụng đất và mặt biển</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
31 tháng 3 năm 2015	301.589.683.022	3.741.716.654	95.691.587	305.427.091.263
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
30 tháng 6 năm 2015	301.589.683.022	3.741.716.654	95.691.587	305.427.091.263
Giá trị hao mòn:				
31 tháng 3 năm 2015	41,205,860,163	1,490,238,330	95,691,587	42,791,790,080
Khấu hao trong kỳ	1,930,920,971	97,890,363	-	2,028,811,334
30 tháng 6 năm 2015	43.136.781.134	1.588.128.693	95.691.587	44.820.601.414
Giá trị còn lại:				
31 tháng 3 năm 2015	260,383,822,859		(0)	262,635,301,183
30 tháng 6 năm 2015	258.452.901.888	2.153.587.961	-	260.606.489.849

Quyền sử dụng đất và mặt biển bao gồm diện tích 49,98 ha đất và 94,5 ha mặt biển tại đảo Ninh Vân, huyện Ninh Vân, tỉnh Khánh Hòa được sử dụng cho việc kinh doanh khu nghỉ Six Senses Ninh Vân Bay. Toàn bộ khu đất và mặt biển là một quần thể không tách rời, cùng được sử dụng cho hoạt động của khu nghỉ và được cụ thể như sau:

- ▶ Theo hợp đồng thuê đất và mặt biển số 01/2003 HĐ/TĐ ngày 21 tháng 1 năm 2003, diện tích đất thuê là 333.180 m² và diện tích mặt biển thuê là 158.686 m². Thời hạn thuê đất và mặt biển là 40 năm kể từ ngày 5 tháng 12 năm 2002. Tổng số tiền thuê mặt biển đã được Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải trả một lần vào ngày 24 tháng 2 năm 2003 theo Quyết định số 88 CT/QĐ của Cục thuế Khánh Hòa. Trong tổng số đất thuê 333.180 m², diện tích tính tiền thuê đất là 82.914 m². Công ty được miễn tiền thuê đất trong vòng 11 năm (miễn đến 5 tháng 12 năm 2013);
- ▶ Theo hợp đồng thuê đất và mặt biển số 24/2004 HĐ/TĐ ngày 28 tháng 4 năm 2004, diện tích đất thuê là 164.889 m² và diện tích mặt biển thuê là 786.829 m². Thời hạn thuê đất và mặt biển là 50 năm kể từ ngày 5 tháng 12 năm 2002. Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải được miễn tiền thuê đất trong suốt thời hạn thuê 50 năm. Tổng số tiền thuê mặt biển được thanh toán theo hình thức trả tiền một lần. Tuy nhiên, theo Quyết định số 08/QĐ-CCT ngày 5 tháng 1 năm 2007 của Cục thuế Khánh Hòa, diện tích đất thuê là 164.889 m² chỉ được miễn tiền thuê đất đến ngày 16 tháng 3 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

13.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	32.215.745.746	32.215.745.746
TỔNG CỘNG	32.215.745.746	32.215.745.746

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm chi phí xây dựng và lắp đặt phần hoàn thiện của các công trình trên đất của khu biệt thự trong Điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Latitude Sài Gòn River của Công ty TNHH Hai Dung.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được sử dụng để thế chấp cho những người sở hữu trái phiếu (đại diện bởi Tổ chức nhận tài sản đảm bảo là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam) để đảm bảo cho tất cả các nghĩa vụ của Công ty đối với và liên quan đến Trái phiếu được qui định trong Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu kèm Chứng quyền số 01-2100/HDDM-TP/NVT ngày 11 tháng 11 năm 2014 (xem Thuyết minh số 20).

13.2 Xây dựng cơ bản dở dang

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014
Chi phí xây dựng Dự án Six Senses Latitude Sài Gòn River (*)	397.619.531.783	364.464.008.568
Chi phí xây dựng biệt thự Hill Retreat thuộc Dự án Six Senses Ninh Vân Bay	-	6.327.566.050
Chi phí thiết kế Dự án Six Senses Ninh Vân Bay - giai đoạn 2	1.036.935.000	19.256.299.620
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.707.833.166	4.092.970.861
TỔNG CỘNG	400.364.299.949	394.140.845.099

(*) Chi phí xây dựng Dự án Điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Latitude Sài Gòn River bao gồm các chi phí phát triển đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và chi phí xây dựng các công trình trên đất của khu biệt thự thuộc dự án này. Theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 47121000196 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26 tháng 3 năm 2009, Công ty TNHH Hai Dung được cấp phép đầu tư vào Dự án Xây dựng điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Latitude Sài Gòn River với tiêu chuẩn 5 sao, nằm trên diện tích đất 55,32 hecta của xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, với tổng vốn đầu tư của dự án là 440,47 tỷ đồng Việt Nam và thời gian hoạt động là 50 năm kể từ tháng 3 năm 2009. Khu đất của dự án đã được định giá lại cho mục đích hợp nhất kinh doanh và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua là 8,4 triệu đô la Mỹ tương đương với 150.704.400.000 đồng Việt Nam.

Chi phí xây dựng dở dang của Điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Latitude Sài Gòn River được sử dụng để thế chấp cho những người sở hữu trái phiếu (đại diện bởi Tổ chức nhận tài sản đảm bảo là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam) để đảm bảo cho tất cả các nghĩa vụ của Công ty đối với và liên quan đến Trái phiếu được qui định trong Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu kèm Chứng quyền số 01-2100/HDDM-TP/NVT ngày 11 tháng 11 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải</i>	<i>Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Hai Dung</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
31 tháng 12 năm 2014	134.930.134.599	89.691.208.885	224.621.343.484
- Tăng/(giảm) trong kỳ	-	-	-
30 tháng 6 năm 2015	134.930.134.599	89.691.208.885	224.621.343.484
Phân bổ lũy kế:			
31 tháng 12 năm 2014	68.589.485.088	45.593.031.183	114.182.516.271
- Phân bổ trong kỳ	6.746.506.730	4.484.560.444	11.231.067.174
30 tháng 6 năm 2015	75.335.991.818	50.077.591.627	125.413.583.445
Giá trị còn lại:			
31 tháng 12 năm 2014	66.340.649.511	44.098.177.702	110.438.827.213
30 tháng 6 năm 2015	59.594.142.781	39.613.617.258	99.207.760.039

15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	5.215.524.842	4.886.900.953
Phải trả ngắn hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	368.109.285	939.542.389
TỔNG CỘNG	5.583.634.127	5.826.443.342

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Việt Cường	6.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Vietsense	6.000.000.000	-
Công ty STG	3.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Tâm	6.000.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Vinh	5.000.000.000	-
Các đối tượng khác	3.773.019.399	8.506.690.723
TỔNG CỘNG	29.773.019.399	8.506.690.723

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Thuế giá trị gia tăng	311.148.683	6.644.681
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	698.589.411	425.679.266
Thuế thu nhập cá nhân	314.230.786	280.000.042
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác	263.913.358	55.439.109
TỔNG CỘNG	<u>1.587.882.238</u>	<u>767.763.098</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Lãi vay phải trả	25.652.811.187	22.475.362.875
Trong đó:		
<i>Lãi vay phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>21.777.911.643</i>	<i>18.283.298.607</i>
<i>Lãi vay phải trả cho ngân hàng và các cá nhân khác</i>	<i>3.874.899.544</i>	<i>4.192.064.268</i>
Chi phí xây dựng phải trả cho nhà thầu	5.390.301.769	3.076.505.151
Chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng trích trước	9.284.487.935	11.686.375.359
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	4.255.997.717	3.238.489.509
Chi phí phải trả khác	2.499.756.078	2.945.527.906
TỔNG CỘNG	<u>47.083.354.686</u>	<u>43.422.260.800</u>

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Phí phục vụ phải trả cho nhân viên	2.121.275.255	3.028.844.556
Bảo hiểm xã hội	258.353.752	74.330.867
Quỹ từ thiện	1.494.868.558	1.329.284.035
Phải trả Ana Mandara Dalat chi phí thanh toán hộ	-	371.550.641
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	402.811.813	79.105.205
TỔNG CỘNG	<u>4.277.309.378</u>	<u>4.883.115.304</u>

102
 ĐN
 P
 38
 VÁ
 VG
 10
 C
 C
 Ộ
 H
 20
 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Vay ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả	1.752.545.741	1.720.199.524
Vay các bên liên quan (thuyết minh số 29)	57.313.315.148	57.487.315.148
	59.065.860.889	59.207.514.672
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng	2.261.261.487	3.153.708.425
Vay đối tượng khác	6.000.000.000	6.000.000.000
Vay các bên liên quan (thuyết minh số 29)	17.000.000.000	13.500.000.000
Trái phiếu phát hành	228.189.814.815	227.827.777.778
	253.451.076.302	250.481.486.203
TỔNG CỘNG	312.516.937.191	309.689.000.875

19.1 Vay ngắn hạn

19.1.1 Các khoản vay ngắn hạn các bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn các bên liên quan được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)</i>	
Ông Lê Xuân Hải	18.745.844.722	
Bà Vũ Hồng Dung	32.117.470.426	
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay (NVBHC)	6.450.000.000	
TỔNG CỘNG	57.313.315.148	

19.2 Vay dài hạn

19.2.1 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau

<i>Bên cho vay</i>	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	
	<i>VNĐ</i>	<i>Nguyên tệ (USD)</i>
Ngân hàng TMCP Đại Dương Chi nhánh Nha Trang	4.013.807.228	187.736
Trong đó		
Nợ dài hạn đến hạn trả:	1.752.545.741	80.458
Vay dài hạn	2.261.261.487	107.278
TỔNG CỘNG	4.013.807.228	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

19.2.2 Các khoản vay dài hạn các bên liên quan

Chi tiết khoản vay dài hạn các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên liên quan	30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)
Ông Tạ Phạm Phi Cát	14.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	3.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>17.000.000.000</u>

19.2.3 Vay đối tượng khác

Chi tiết khoản vay dài hạn đối tượng khác được trình bày như sau:

Bên liên quan	30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)
Bà Ninh Thị Hoàng Anh	6.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>6.000.000.000</u>

19.2.4 Trái phiếu phát hành

	Đơn vị tính: VNĐ	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
Trái phiếu phát hành – nợ gốc (*)	230.000.000.000	230.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(1.810.185.185)	(2.172.222.222)
TỔNG CỘNG	<u>228.189.814.815</u>	<u>227.827.777.778</u>

Chi tiết khoản trái phiếu được trình bày như sau

Nhà đầu tư	30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)	Kỳ hạn trái phiếu và kỳ hạn trả lãi	Lãi suất
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	<u>230.000.000.000</u>	3 năm kể từ ngày phát hành, lãi trả theo kỳ 6 tháng	12%/năm trong 2 kỳ tính lãi đầu tiên; Các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,5% cộng với lãi suất cơ sở của Khối ngân hàng bán buôn thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam áp dụng cho kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng với kỳ hạn gốc từ 1 đến 5 năm
TỔNG CỘNG	<u>230.000.000.000</u>		

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Phần vốn thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ						
	Vốn cổ phần đã góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng nguồn vốn
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (trình bày lại)							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	905.000.000.000	24.455.000.000	269.596.844	(89.941.073.192)	839.783.523.652	159.301.064.118	999.084.587.770
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.883.151.602)	(13.883.151.602)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	7.491.165.596	7.491.165.596	13.421.063.795	20.912.229.391
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>905.000.000.000</u>	<u>24.455.000.000</u>	<u>269.596.844</u>	<u>(82.449.907.596)</u>	<u>847.274.689.248</u>	<u>158.838.976.311</u>	<u>1.006.113.665.559</u>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	905.000.000.000	24.455.000.000	269.596.844	(84.329.311.816)	845.395.285.028	154.264.194.114	999.659.479.142
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.230.000.000)	(13.230.000.000)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(71.796.479.883)	(71.796.479.883)	1.699.117.271	(70.097.362.612)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>905.000.000.000</u>	<u>24.455.000.000</u>	<u>269.596.844</u>	<u>(156.125.791.699)</u>	<u>773.598.805.145</u>	<u>142.733.311.385</u>	<u>916.332.116.530</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	905.000.000.000	905.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	905.000.000.000	905.000.000.000

21.4 Cổ phiếu

	<i>30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>31 tháng 12 năm 2014</i>
Số lượng cổ phiếu đã được duyệt	90.500.000	90.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	90.500.000	90.500.000
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	90.500.000	90.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.500.000	90.500.000
Cổ phiếu phổ thông (*)	90.500.000	90.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2014: 10.000 đồng/cổ phiếu).

21.5 Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Công ty TNHH Hai Dung</i>	<i>Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015			
Vốn điều lệ đã góp	11.000.000.000	44.100.000.000	55.100.000.000
Chênh lệch đánh giá lại giá trị hợp lý tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh	2.125.059.476	118.152.249.600	120.277.309.076
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	197.432.724	197.432.724
Chia cổ tức	-	(13.230.000.000)	(13.230.000.000)
Lỗi chưa phân phối lũy kế	(15.702.600.674)	(3.908.829.741)	(19.611.430.415)
	(2.577.541.198)	145.310.852.583	142.733.311.385

**Cho giai đoạn tài chính sáu
tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2015**

Phần (lỗ)/lợi nhuận trong kỳ	(8.332.908.621)	10.032.025.892	1.699.117.271
------------------------------	-----------------	----------------	---------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý 2 năm 2015	Quý 2 năm 2014
Tổng doanh thu	42.682.116.612	49.099.743.939
Trong đó		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp DV	42.682.116.612	49.099.743.939
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại (*)	(92.954.520.200)	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(995.400.113)	(1.170.620.772)
Doanh thu thuần	(51.249.166.656)	47.929.612.052

(*) Trong 6 tháng đầu năm 2015, do tiến độ thi công và bàn giao chậm, Công ty TNHH Hai Dung đã ký các biên bản thanh lý hợp đồng cho các hợp đồng bán biệt thự trong năm 2010. Theo đó, Công ty đã ghi nhận giảm doanh thu và giá vốn bán biệt thự với số tiền tương ứng là 92.954.520.200 đồng và 30.592.272.039 đồng.

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý 2 năm 2015	Quý 2 năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		26.732.647
Lãi chênh lệch tỷ giá	(2.302.536.404)	10.371.071.871
TỔNG CỘNG	(2.302.536.404)	10.397.804.518

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý 2 năm 2015	Quý 2 năm 2014
Giá vốn của hàng hóa đã bán và cung cấp DV	36.161.228.031	27.978.074.858
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	(30.592.272.039)	-
TỔNG CỘNG	5.568.955.992	27.978.074.858

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Quý 2 năm 2015	Quý 2 năm 2014
Lãi tiền vay	11.202.336.529	76.086.233
Lỗ chênh lệch tỷ giá		12.091.660
Dự phòng giảm giá tổn thất của các khoản đầu tư	3.242.367.784	
Chi phí tài chính khác	505.757.459	3.466.664
TỔNG CỘNG	14.950.461.772	91.644.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Quý 2 năm 2015</i>	<i>Quý 2 năm 2014</i>
Chi phí nguyên vật liệu	4,467,494,795	14.764.058.265
Chi phí nhân công	9,748,976,807	10.560.765.679
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại	10,814,758,824	10.370.114.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21,267,780,184	16.351.218.965
Chi phí khác	423,675,434	1.305.162.621
TỔNG CỘNG	<u>46,722,686,045</u>	<u>53.651.320.302</u>

26. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN:

Lợi nhuận hợp nhất quý 2 năm 2015 chênh lệch khá lớn so với luận nhuận quý 2 năm 2014 đến từ hai nguyên nhân chính:

- Năm 2015 dự án Six Sense Sài Gòn River đã tạm thời dừng thi công do vậy toàn bộ số lãi vay trong 6 tháng đầu năm của dự án này không được vốn hóa.
- Trong 6 tháng đầu năm 2015, do tiến độ thi công và bàn giao chậm, Công ty TNHH Hai Dung đã ký các biên bản thanh lý hợp đồng cho các hợp đồng bán biệt thự trong năm 2010. Theo đó, Công ty đã ghi nhận giảm doanh thu và giá vốn bán biệt thự với số tiền tương ứng là 92.954.520.200 đồng và 30.592.272.039 đồng.

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và công ty con là Công ty TNHH Hai Dung là 22%.

Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải được miễn thuế TNDN trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được áp dụng thuế suất 15% với mức giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho công ty con này trong năm 2014 là 7,5%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Đơn vị tính: VNĐ

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Lãi vay phát sinh	8.889.586.218
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Công ty liên kết	Vay từ Tập đoàn Lãi vay phải thu phát sinh	60.000.000 658.412.274
Ông Lê Xuân Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty, Cổ đông và Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải, đồng thời là cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty TNHH Hai Dung	Lãi vay phải trả phát sinh	1.140.656.630
Bà Vũ Hồng Dung	Bên liên quan khác	Lãi vay phải trả phát sinh	1.937.754.049
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay (NVBHC)	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Lãi vay phải trả phát sinh	500.263.888
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thương mại P&N	Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	6.750.000.000 6.750.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư TLC	Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	1.080.000.000 1.080.000.000
Ông Tạ Phạm Phi Cát	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông Cho Tập đoàn vay Lãi vay phát sinh Trả nợ lãi vay	1.350.000.000 1.282.500.000 3.500.000.000 636.412.636 627.871.082
Ông Nguyễn Hùng Mạnh	Cổ đông, thành viên hội đồng quản trị công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	1.350.000.000 1.282.500.000
Sustainable Luxury Ltd	Công ty Quản lý Khu nghỉ dưỡng Six Senses Ninh Vân Bay	Phí quản lý phát sinh Thanh toán phí quản lý	5.602.852.428 6.048.845.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, chi tiết số dư lớn với các bên liên quan như sau

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i> <i>Phải thu/ (Phải trả)</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Cho bên liên quan vay	202.463.920.548
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp	Công ty liên kết	Cho bên liên quan vay	16.606.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Công ty liên kết	Cho bên liên quan vay	1.136.000.000
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phước Hưng	Công ty cùng chung thành viên Hội đồng Quản trị	Cho bên liên quan vay	230.000.000
			220.435.920.548
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)			
Công ty Cổ phần du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Lãi vay phải thu	62.511.380.548
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu	5.750.227.300
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỹ nghệ Ninh Vân Bay (NVBHC)	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Chi phí trả hộ	2.468.734.720
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu	494.889.548
			71.225.232.116
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17)			
Sustainable Luxury Ltd	Công ty Quản lý Khu nghỉ dưỡng Six Senses Ninh Vân Bay	Phí quản lý	(368.109.285)
			(368.109.285)
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 18)			
Ông Lê Xuân Hải	Chủ tịch HĐQT của Công ty, Cổ đông và Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải, đồng thời là cổ đông và thành viên HĐQT của Công ty TNHH Hai Dung	Lãi vay phải trả	(13.847.466.101)
Bà Vũ Hồng Dung	Bên liên quan khác	Lãi vay phải trả	(2.167.943.008)
Công ty TNHH MTV Câu lạc bộ Kỹ nghệ Ninh Vân Bay	Công ty cùng chủ đầu tư	Lãi vay phải trả	(2.081.138.889)
Nguyễn Thị Thanh Huyền	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Lãi vay phải trả	(162.246.577)
Tạ Phạm Phi Cát	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Lãi vay phải trả	(24.504.032)
			(18.283.298.607)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

Vay và nợ tài chính ngắn hạn (Thuyết minh số 20.1)

Ông Lê Xuân Hải	Chủ tịch HĐQT của Công ty, Cổ đông và Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải, đồng thời là cổ đông và thành viên HĐQT của Công ty TNHH Hai Dung	Cho Tập đoàn vay	(18.745.844.722)
Bà Vũ Hồng Dung	Bên liên quan khác	Cho Tập đoàn vay	(32.117.470.426)
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay (NVBHC)	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Cho Tập đoàn vay	(6.450.000.000)
			(57.313.315.148)

Vay và nợ tài chính dài hạn (Thuyết minh số 20.2)

Nguyễn Thị Thanh Huyền	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Cho Tập đoàn vay	(3.000.000.000)
Tạ Phạm Phi Cát	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Cho Tập đoàn vay	(14.000.000.000)
			(17.000.000.000)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi tiết số dư lớn với các bên liên quan như sau

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VNĐ Phải thu/ (Phải trả)
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Cho bên liên quan vay	210.963.920.548
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp	Công ty liên kết	Cho bên liên quan vay	16.546.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Công ty liên kết	Cho bên liên quan vay	1.136.000.000
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phước Hưng	Công ty cùng chung thành viên Hội đồng Quản trị	Cho bên liên quan vay	121.000.000
			228.766.920.548
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6.1)			
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phước Hưng	Công ty cùng chung thành viên Hội đồng Quản trị	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng	4.102.270.643
			4.102.270.643
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)			
Công ty Cổ phần du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Lãi vay phải thu	53.621.794.330
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Côn Bắp	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu	5.091.815.030
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay (NVBHC)	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Chi phí trả hộ	2.468.734.720
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu	439.382.580
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phước Hưng	Công ty cùng chủ đầu tư	Lãi vay phải thu	52.041.163
			61.673.767.823

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>		<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
				<i>Phải thu/ (Phải trả)</i>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16.1)				
Sustainable Luxury Ltd	Công ty Quản lý Khu nghỉ dưỡng Six Senses Ninh Vân Bay		Phí quản lý	(939.542.389)
				(939.542.389)
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 18)				
Ông Lê Xuân Hải	Chủ tịch HĐQT của Công ty, Cổ đông và Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải, đồng thời là cổ đông và thành viên HĐQT của Công ty TNHH Hai Dung		Lãi vay phải trả	(13.847.466.101)
Bà Vũ Hồng Dung	Bên liên quan khác		Lãi vay phải trả	(2.167.943.008)
Công ty TNHH MTV Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	Công ty cùng chủ đầu tư		Lãi vay phải trả	(2.081.138.889)
Nguyễn Thị Thanh Huyền	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải		Lãi vay phải trả	(162.246.577)
Tạ Phạm Phi Cát	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải		Lãi vay phải trả	(24.504.032)
				(18.283.298.607)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Thuyết minh số 20.1)				
Ông Lê Xuân Hải	Chủ tịch HĐQT của Công ty, Cổ đông và Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải, đồng thời là cổ đông và thành viên HĐQT của Công ty TNHH Hai Dung		Cho Tập đoàn vay	(18.919.844.722)
Bà Vũ Hồng Dung	Bên liên quan khác		Cho Tập đoàn vay	(32.117.470.426)
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay (NVBHC)	Đơn vị nhận vốn đầu tư		Cho Tập đoàn vay	(6.450.000.000)
				(57.487.315.148)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 20.2)				
Nguyễn Thị Thanh Huyền	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải		Cho Tập đoàn vay	(3.000.000.000)
Tạ Phạm Phi Cát	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải		Cho Tập đoàn vay	(10.500.000.000)
				(13.500.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2015 (tiếp theo)

29. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	Mã số	31 tháng 12 năm 2014	Trình bày lại	31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
Đầu tư ngắn hạn	123	252.741.518.912	(228.766.920.548)	23.974.598.364
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	228.766.920.548	228.766.920.548
Hàng tồn kho	141	41.865.805.417	32.215.745.746	9.650.059.671
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		32.215.745.746	32.215.745.746
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.052.112.746	(2.172.222.222)	2.879.890.524
Vay dài hạn	338	252.653.708.425	(2.172.222.222)	250.481.486.203

Ngô Thị Thanh Hải
Người lập

Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

